

**TỔNG CTY CP ĐƯỜNG SÔNG
MIỀN NAM**

Số. 51...../ĐSMN-CBTT

V/v: Giải trình Báo cáo kết quả kinh
doanh riêng kiểm toán năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- QUÝ CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY

Thực hiện Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam, mã Chứng khoán SWC, giải trình số liệu như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	501.185.820.445	69.125.996.330	432.059.824.115

Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng kiểm toán năm 2017 là: 501.185.820.445 đồng tăng so với năm 2016 là: 69.125.996.330 đồng tăng 432.059.824.115 đồng, do Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam lãi từ việc thoái vốn tại Công ty liên doanh Keppel Land Watco.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng /.

TỔNG CTY CP ĐƯỜNG SÔNG MIỀN NAM



Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 39

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh xăng, dầu, và dầu nhờn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 1 chi nhánh là Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Quốc Hưng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
	Thành viên	từ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
	Thành viên	từ ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2017
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Phúc	Thành viên
Ông Phan Trọng Lâm	Thành viên

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Bá Thọ	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Trương Quốc Hưng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Tô Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Bá Thọ	kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Trương Quốc Hưng	cho đến ngày 25 tháng 7 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 26 tháng 2 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Bá Thọ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2018

Số tham chiếu: 61280423/19357633

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 2 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 26 tháng 2 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1



Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		756.683.361.216	292.751.301.323
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	110.962.969.516	35.349.008.393
111	1. Tiền		41.683.770.156	18.533.008.393
112	2. Các khoản tương đương tiền		69.279.199.360	16.816.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	587.244.120.280	192.424.870.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	130.500.000.000	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(19.148.893.320)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	475.893.013.600	192.424.870.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	54.583.128.760	54.894.073.710
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		34.734.301.268	39.744.168.765
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.280.411.614	6.290.545.414
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		34.280.266.046	24.924.470.087
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.711.850.168)	(16.065.110.556)
140	IV. Hàng tồn kho		3.284.888.931	10.023.349.220
141	1. Hàng tồn kho	7	3.284.888.931	10.023.349.220
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		608.253.729	60.000.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	60.000.000	60.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		548.253.729	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		437.544.669.466	716.817.173.382
210	I. Phải thu dài hạn		15.000.000	15.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		15.000.000	15.000.000
220	II. Tài sản cố định		202.039.617.929	189.402.869.150
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	196.837.272.929	184.200.524.150
222	Nguyên giá		352.381.696.895	331.556.801.079
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(155.544.423.966)	(147.356.276.929)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.202.345.000	5.202.345.000
228	Nguyên giá		5.202.345.000	5.202.345.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		32.640.838.809	14.682.855.134
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	32.640.838.809	14.682.855.134
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	196.144.102.515	506.084.044.490
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	26.316.724.000	26.316.724.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.2	162.331.403.276	162.331.403.276
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	813.124.639	320.997.266.614
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.561.349.400)	(3.561.349.400)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.244.200.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.705.110.213	6.632.404.608
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	5.367.404.493	5.865.126.668
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	1.337.705.720	767.277.940
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.194.228.030.682	1.009.568.474.705

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		190.779.009.429	169.860.277.897
310	I. Nợ ngắn hạn		119.077.730.581	103.259.354.584
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	6.289.865.991	1.589.456.842
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	2.534.697.714	550.001.056
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.481.778.428	2.151.294.055
314	4. Phải trả người lao động		7.438.868.723	2.785.099.383
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		931.321.810	703.964.113
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	71.928.882.862	59.492.000.632
320	7. Vay ngắn hạn	17	19.378.636.726	33.956.571.389
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.093.678.327	2.030.967.114
330	II. Nợ dài hạn		71.701.278.848	66.600.923.313
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	12.851.700.000	7.177.600.000
338	2. Vay dài hạn	17	55.539.899.123	55.586.933.613
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		3.309.679.725	3.836.389.700
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.003.449.021.253	839.708.196.808
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	1.003.449.021.253	839.708.196.808
411	1. Vốn cổ phần		671.000.000.000	671.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		671.000.000.000	671.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		36.493.891.802	36.493.891.802
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		49.565.919.026	49.565.919.026
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		246.389.210.425	82.648.385.980
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		13.603.389.980	13.522.389.650
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		232.785.820.445	69.125.996.330
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.194.228.030.682	1.009.568.474.705


Phạm Quang Minh
Người lập


Trịnh Văn Quý
Kế toán trưởng





Lê Bá Thọ
Tổng Giám đốc


Ngày 26 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	170.590.806.845	173.261.738.084
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(84.651.533)	(3.441.630.931)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	170.506.155.312	169.820.107.153
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(135.944.194.612)	(147.786.579.922)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.561.960.700	22.033.527.231
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	615.542.569.296	75.549.233.670
22	7. Chi phí tài chính	21	(26.258.834.408)	(4.865.848.774)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.024.624.997)	(886.364.137)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(13.063.265.156)	(16.952.388.929)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		610.782.430.432	75.764.523.198
31	10. Thu nhập khác	23	4.919.819.046	450.026.163
32	11. Chi phí khác	23	(64.677.601)	(4.153.898.906)
40	12. Lợi nhuận (lỗ) khác	23	4.855.141.445	(3.703.872.743)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		615.637.571.877	72.060.650.455
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(115.022.179.212)	(3.701.932.065)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.3	570.427.780	767.277.940
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		501.185.820.445	69.125.996.330


Phạm Quang Minh
Người lập


Trịnh Văn Quý
Kế toán trưởng




Lê Bá Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		615.637.571.877	72.060.650.455
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	15.962.640.687	15.080.699.690
03	Các khoản dự phòng		19.268.922.957	5.806.835.423
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.457.471.789	688.374.904
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(620.109.905.936)	(71.588.874.434)
06	Chi phí lãi vay	21	2.024.624.997	886.364.137
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.241.326.371	22.934.050.175
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		13.633.599.688	(24.522.397.649)
10	Giảm hàng tồn kho		6.749.460.289	1.189.227.609
11	Tăng các khoản phải trả		29.993.664.153	10.434.060.715
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		497.722.175	(179.511.918)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(130.500.000.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.053.208.330)	(681.614.137)
15	Thuế TNDN đã nộp	15	(110.023.660.585)	(10.017.530.530)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.838.184.787)	(7.056.720.091)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(158.299.281.026)	(7.900.435.826)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(46.052.972.865)	(25.657.913.855)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		5.319.136.364	110.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(742.105.443.600)	(273.737.370.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		448.393.100.000	133.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(18.528.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		845.880.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		74.061.863.192	67.816.649.806
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		585.495.683.091	(116.996.634.049)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	5.000.000.000	74.509.869.422
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(21.082.253.605)	(42.571.752.896)
36	Cổ tức đã trả	18.3	(335.500.000.000)	(33.550.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(351.582.253.605)	(1.611.883.474)
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		75.614.148.460	(126.508.953.349)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		35.349.008.393	161.855.168.821
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(187.337)	2.792.921
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	110.962.969.516	35.349.008.393


 Phạm Quang Minh
 Người lập


 Trịnh Văn Quý
 Kế toán trưởng


 Lê Bá Thọ
 Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 2 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (GCNĐKDN") số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cầu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh xăng, dầu, và dầu nhờn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 1 chi nhánh là Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 315 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 322).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 26 tháng 2 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát và có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh, liên kết sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát và có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ Luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	460.502.938	120.493.275
Tiền gửi ngân hàng	41.223.267.218	18.412.515.118
Các khoản tương đương tiền (*)	69.279.199.360	16.816.000.000
TỔNG CỘNG	110.962.969.516	35.349.008.393

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 4,7%/năm đến 5,1%/năm đối với các khoản tiền gửi bằng VND và 0%/năm đối với khoản tiền gửi bằng USD.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Chứng chỉ quỹ (i)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-
Ủy thác đầu tư (ii)	80.500.000.000	(19.148.893.320)	61.351.106.680	-	-
TỔNG CỘNG	130.500.000.000	(19.148.893.320)	111.351.106.680	-	-

(i) Đây là khoản chứng chỉ quỹ phát hành bởi Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

(ii) Đây là khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán và các giấy tờ có giá tại Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản ủy thác đầu tư này bao gồm khoản đầu tư vào 1.710.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba với giá trị hợp lý là 14.364.000.000 VND; 7.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần DAP – Vinachem với giá trị hợp lý là 46.900.000.000 VND; và tiền gửi với số tiền là 87.106.680 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	53.593.013.600	57.424.870.000
Ủy thác đầu tư (ii)	422.300.000.000	135.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	422.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	-	135.000.000.000
TỔNG CỘNG	475.893.013.600	192.424.870.000

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,3%/năm đến 7,9%/năm. Trong đó, Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17.2).

(ii) Đây là các khoản ủy thác cho các công ty quản lý quỹ đầu tư với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	34.734.301.268	39.744.168.765
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	15.469.471.918	16.480.450.309
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ</i>	4.487.059.450	4.487.059.450
<i>Công ty TNHH Than Tân Phù Đồng</i>	2.276.332.997	5.743.434.493
<i>Khách hàng khác</i>	12.501.436.903	13.033.224.513
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.280.411.614	6.290.545.414
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Duy Tường</i>	605.880.000	-
<i>Cơ sở Ngọc Đất</i>	330.000.000	-
<i>Nguyễn Văn Cẩm</i>	321.512.400	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Xuất nhập khẩu Mỹ Lộc Phúc</i>	312.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại M.H.P</i>	-	3.793.888.000
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phước Thịnh</i>	-	1.267.200.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí Trường Thịnh</i>	-	700.240.200
<i>Người bán khác</i>	711.019.214	529.217.214
Phải thu ngắn hạn khác	34.280.266.046	24.924.470.087
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu lãi hoạt động ủy thác đầu tư</i>	15.770.044.444	5.974.236.111
<i>Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của thuyền viên từ các đại lý</i>	15.434.681.475	16.134.815.723
<i>Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	1.617.318.055	1.602.514.420
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	371.090.908	257.813.183
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	1.087.131.164	955.090.650
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(16.711.850.168)	(16.065.110.556)
GIÁ TRỊ THUẦN	54.583.128.760	54.894.073.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.065.110.556	14.094.664.833
Dự phòng trích lập trong năm	646.739.612	1.970.445.723
Số cuối năm	<u>16.711.850.168</u>	<u>16.065.110.556</u>

Nợ xấu

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ	6.463.918.325	-	6.463.918.325	-
Công ty TNHH Xi măng Sơn Hồng	4.487.059.450	-	4.487.059.450	-
Khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	<u>5.098.629.009</u>	<u>337.756.616</u>	<u>4.204.264.080</u>	<u>90.131.299</u>
TỔNG CỘNG	<u>17.049.606.784</u>	<u>337.756.616</u>	<u>16.155.241.855</u>	<u>90.131.299</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.360.368.658	1.287.620.441
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	924.520.273	170.540.952
Hàng hóa	-	8.565.187.827
TỔNG CỘNG	<u>3.284.888.931</u>	<u>10.023.349.220</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	60.000.000	60.000.000
Dài hạn		
Phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp	4.304.161.403	4.994.942.750
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	973.133.743	870.183.918
Khác	90.109.347	-
TỔNG CỘNG	<u>5.427.404.493</u>	<u>5.925.126.668</u>

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	215.466.436.202	18.311.392.363	96.795.564.257	983.408.257	331.556.801.079
Mua mới trong năm	2.403.793.314	358.450.000	-	-	2.762.243.314
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	269.627.273	256.793.000	26.062.525.603	-	26.588.945.876
Thanh lý trong năm	-	-	(8.526.293.374)	-	(8.526.293.374)
Số cuối năm	218.139.856.789	18.926.635.363	114.331.796.486	983.408.257	352.381.696.895
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	11.804.237.887	8.234.659.341	9.335.012.101	708.498.257	30.082.407.586
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	72.697.128.888	13.352.982.380	60.441.080.030	865.085.631	147.356.276.929
Khấu hao trong năm	8.112.914.187	761.699.179	7.002.555.548	85.471.773	15.962.640.687
Thanh lý trong năm	-	-	(7.774.493.650)	-	(7.774.493.650)
Số cuối năm	80.810.043.075	14.114.681.559	59.669.141.928	950.557.404	155.544.423.966
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	142.769.307.314	4.958.409.983	36.354.484.227	118.322.626	184.200.524.150
Số cuối năm	137.329.813.714	4.811.953.804	54.662.654.558	32.850.853	196.837.272.929

Công ty đã sử dụng các phương tiện vận tải với tổng giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 14.614.280.088 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết của các khoản vay này được thể hiện tại *Thuyết minh số 17.2.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại các địa điểm sau:

- Quyền sử dụng đất tại số 1461 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ở với Công ty TNHH Liên doanh Phú Mỹ Hưng (“PMH”) ngày 20 tháng 6 năm 2009. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất từ PMH sang Công ty.
- Quyền sử dụng đất tại số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ngày 7 tháng 7 năm 1999.

Ngày 21 tháng 7 năm 2011, Công ty nhận được Quyết định số 3573/QĐ-UBND từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Công ty được sử dụng khu đất này dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tiếp tục sử dụng làm văn phòng và ủy quyền cho Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác định tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2014, Công ty nhận được tờ trình số 572/TTr-TVC-HĐTĐGTP từ Tổ chuyên viên trình Hội đồng Thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và phê duyệt, theo đó chi phí sử dụng đất được ước tính là 11.185.314.538 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty không nhận thêm bất kỳ văn bản nào khác từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chi phí sử dụng đất phải nộp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hiện nay chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, và do đó Công ty đã không ghi nhận khoản nợ phải trả với số tiền nêu trên trong báo cáo tài chính riêng và đồng thời chưa tiến hành trích hao mòn cho giá trị quyền sử dụng đất nêu trên.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Sà lan	27.559.893.922	14.571.109.942
Chi phí sửa chữa cầu cảng	3.194.007.573	-
Khác	1.886.937.314	111.745.192
TỔNG CỘNG	<u>32.640.838.809</u>	<u>14.682.855.134</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào các công ty con	26.316.724.000	-	26.316.724.000	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	162.331.403.276	(3.561.349.400)	162.331.403.276	(3.561.349.400)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	813.124.639	-	320.997.266.614	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	10.244.200.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	199.705.451.915	(3.561.349.400)	509.645.393.890	(3.561.349.400)

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có thời hạn trên mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (i)	Xây dựng	Đang hoạt động	86,15	22.938.648.000	86,15	22.938.648.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ (ii)	Đóng tàu	Đang hoạt động	70,00	3.032.988.000	70,00	3.032.988.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam (iii)	Xây dựng	Đang hoạt động	51,00	345.088.000	51,00	345.088.000
TỔNG CỘNG				26.316.724.000		26.316.724.000

(i) Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000067 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của ECCO là xây dựng các công trình dân dụng. ECCO có trụ sở đăng ký tại số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5703000110 do SKHĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Đóng tàu Cần Thơ là cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi. Đóng tàu Cần Thơ có trụ sở đăng ký tại số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

(iii) Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001933 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATMES là xây dựng các công trình dân dụng. SOWATMES có trụ sở đăng ký tại số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (i)	Dịch vụ cảng	Đang hoạt động	37,00	155.730.813.876	37,00	155.730.813.876
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (ii)	Xây dựng	Đang hoạt động	49,00	3.561.349.400	49,00	3.561.349.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (iii)	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	26,27	3.039.240.000	26,27	3.039.240.000
TỔNG CỘNG				162.331.403.276		162.331.403.276

(i) Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT") là một doanh nghiệp liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư ("GPĐT") số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VICT là xây dựng và kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container. VICT có trụ chính tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 290075/1997 do SKHĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCO-ECO 747 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. SOWATCO-ECO 747 có trụ sở đăng ký tại số 161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

(iii) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam ("SOWATCOSER") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303215396 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCOSER là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. SOWATCOSER có trụ sở đăng ký tại số 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Giá gốc khoản đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	0,05	440.000.000	0,05
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.639	-	373.124.639	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco (*)	-		320.184.141.975	16,00
TỔNG CỘNG	813.124.639		320.997.266.614	

(*) Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco ("Keppel Land Watco") là một doanh nghiệp liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép đầu tư ("GPĐT") số 626/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 19 tháng 6 năm 1993 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Keppel Land Watco là sở hữu và phát triển khu văn phòng và căn hộ cho thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh để tạo thu nhập từ hoạt động cho thuê và các dịch vụ khác. Keppel Land Watco có trụ sở chính tại Lầu 4, Tòa nhà Saigon Centre, số 65 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn tại Keppel Land Watco. Theo đó, vào ngày 17 tháng 3 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng khoản đầu tư này với tổng giá trị là 845.880.000.000 VND.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên thứ ba	5.580.895.991	1.589.456.842
Công ty TNHH Phương Hải Anh	1.554.390.180	384.532.819
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc Chinh	840.067.132	562.446.630
Công ty TNHH Dịch vụ Vân Tiến	619.549.238	469.844.793
Người bán khác	2.566.889.441	172.632.600
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	708.970.000	-
TỔNG CỘNG	6.289.865.991	1.589.456.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh nghiệp Tư nhân Như Nga	2.429.281.580	-
Người mua khác	105.416.134	550.001.056
TỔNG CỘNG	<u>2.534.697.714</u>	<u>550.001.056</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế TNDN	1.429.771.144	115.022.179.212	(110.023.660.585)	6.428.289.771
Thuế giá trị gia tăng	519.800.801	16.505.710.833	(16.413.753.320)	611.758.314
Thuế thu nhập cá nhân	201.722.110	4.041.621.893	(3.941.497.760)	301.846.243
Khác	-	6.517.374.778	(5.377.490.678)	1.139.884.100
TỔNG CỘNG	<u>2.151.294.055</u>	<u>142.086.886.716</u>	<u>(135.756.402.343)</u>	<u>8.481.778.428</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả cho thuyền viên	29.716.899.836	24.912.326.061
Doanh thu chưa thực hiện	12.251.749.402	5.093.817.573
Nhận ký quỹ	4.962.461.000	6.977.298.847
Phải trả hãng tàu	2.475.172.414	2.478.502.377
Bảo hiểm thuyền viên	2.264.312.648	1.435.607.113
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.176.166.667	204.750.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.082.120.895	18.389.698.661
	<u>71.928.882.862</u>	<u>59.492.000.632</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ từ thuyền viên	12.791.700.000	6.593.100.000
Nhận ký quỹ thuê nhà và thuê sân bãi	60.000.000	584.500.000
	<u>12.851.700.000</u>	<u>7.177.600.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>84.780.582.862</u>	<u>66.669.600.632</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	17.900.000.000	32.900.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.478.636.726	1.056.571.389
	<u>19.378.636.726</u>	<u>33.956.571.389</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng	55.539.899.123	55.586.933.613
TỔNG CỘNG	<u>74.918.535.849</u>	<u>89.543.505.002</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	33.956.571.389	55.586.933.613	89.543.505.002
Tiền thu từ đi vay	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	1.478.636.726	(1.478.636.726)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(21.056.571.389)	(25.682.216)	(21.082.253.605)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.457.284.452	1.457.284.452
Số cuối năm	<u>19.378.636.726</u>	<u>55.539.899.123</u>	<u>74.918.535.849</u>

17.1 Vay ngắn hạn bên liên quan

Công ty có khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động (Thuyết minh số 26). Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình</i>				
Khoản vay 1	17.000.000.000	Ngày 1 tháng 3 năm 2018	6,0	Tín chấp
Khoản vay 2	900.000.000	Ngày 16 tháng 3 năm 2018	6,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>17.900.000.000</u>			

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay dài hạn ngân hàng

Công ty có các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II</i>					
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR") (i)	50.375.337.007	2.208.166	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	1,50	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 14.614.280.088 VND (Thuyết minh số 9)
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF") (ii)	6.643.198.842	287.305	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1,00	và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5)
TỔNG CỘNG	57.018.535.849	2.495.471			
Trong đó					
Vay dài hạn	55.539.899.123				
Vay dài hạn đến hạn trả	1.478.636.726				

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính ("BTC") và Công ty, BTC sẽ cho Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều kiện và điều khoản được ADB chấp thuận, chi tiết như sau:

(i) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.

(ii) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án củng cố và tái cấu trúc hoạt động của Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 11 năm 2041.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tính hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Năm trước:					
Số đầu năm	671.000.000.000	36.493.891.802	49.565.919.026	47.072.389.650	804.132.200.478
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	69.125.996.330	69.125.996.330
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(33.550.000.000)	(33.550.000.000)
Số cuối năm	671.000.000.000	36.493.891.802	49.565.919.026	82.648.385.980	839.708.196.808
Năm nay:					
Số đầu năm	671.000.000.000	36.493.891.802	49.565.919.026	82.648.385.980	839.708.196.808
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	501.185.820.445	501.185.820.445
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(335.500.000.000)	(335.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.557.996.000)	(1.557.996.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(387.000.000)	(387.000.000)
Số cuối năm	671.000.000.000	36.493.891.802	49.565.919.026	246.389.210.425	1.003.449.021.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Cổ phiếu

	<u>Số cổ phiếu</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	67.100.000	67.100.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	67.100.000	67.100.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

18.3 Cổ tức

	<u>VND</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm	<u>335.500.000.000</u>	<u>33.550.000.000</u>

Trong năm, Công ty đã công bố cổ tức năm 2016 và ứng trước cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ lần lượt là 10% và 40% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2017 ngày 11 tháng 4 năm 2017. Các khoản cổ tức này đã được thanh toán toàn bộ trong năm.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>VND</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	170.590.806.845	173.261.738.084
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	156.505.139.626	142.219.028.893
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	14.085.667.219	31.042.709.191
Khoản giảm trừ doanh thu		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<u>(84.651.533)</u>	<u>(3.441.630.931)</u>
Doanh thu thuần	<u>170.506.155.312</u>	<u>169.820.107.153</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	156.505.139.626	142.219.028.893
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	14.001.015.686	27.601.078.260
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	68.583.025.755	70.737.924.512
<i>Doanh thu đối với khách hàng khác</i>	101.923.129.557	99.082.182.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. DOANH THU (tiếp theo)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào đơn vị khác	525.695.858.025	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	81.155.359.161	68.608.659.937
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.691.352.110	6.940.573.733
TỔNG CỘNG	615.542.569.296	75.549.233.670

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	121.154.883.598	121.047.699.272
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.789.311.014	26.738.880.650
TỔNG CỘNG	135.944.194.612	147.786.579.922

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh	19.148.893.320	-
Chi phí lãi vay	2.024.624.997	886.364.137
Lỗ từ hoạt động ủy thác đầu tư	1.974.236.111	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.457.471.789	688.374.904
Lãi trả chậm	-	2.863.763.406
Chi phí tài chính khác	1.653.608.191	427.346.327
TỔNG CỘNG	26.258.834.408	4.865.848.774

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên	8.110.273.674	6.321.580.546
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	1.315.913.091	1.865.672.000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	646.739.612	1.970.445.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	219.581.217	198.611.004
Trợ cấp thôi việc	-	4.122.683.275
Chi phí khác	2.770.757.562	2.473.396.381
TỔNG CỘNG	13.063.265.156	16.952.388.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập khác	4.919.819.046	450.026.163
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	4.567.336.642	-
Tiền thu từ bán phế liệu	159.490.908	267.807.271
Các khoản khác	192.991.496	182.218.892
Chi phí khác	64.677.601	4.153.898.906
Chi phí xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.947.043.994
Các khoản khác	64.677.601	206.854.912
Lợi nhuận (lỗ) khác	4.855.141.445	(3.703.872.743)

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.289.200.352	47.706.578.114
Chi phí nhân viên	46.309.741.603	45.525.607.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 9)	15.962.640.687	15.080.699.690
Giá vốn hàng hóa đã bán	14.789.311.014	26.778.698.326
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu	13.416.246.862	8.834.324.524
Chi phí khác	12.240.319.250	20.813.060.341
TỔNG CỘNG	149.007.459.768	164.738.968.851

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế (năm 2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	115.022.179.212	3.701.932.065
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(570.427.780)	(767.277.940)
TỔNG CỘNG	114.451.751.432	2.934.654.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	615.637.571.877	72.060.650.455
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	123.127.514.376	14.412.130.091
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chi phí không được trừ	-	789.408.799
Cổ tức nhận được	(8.675.762.944)	(12.266.884.765)
Chi phí thuế TNDN	114.451.751.432	2.934.654.125

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

25.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.829.778.664	-	3.829.778.664	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	661.935.945	767.277.940	(105.341.995)	767.277.940
Phải thu lãi hoạt động đầu tư ủy thác	(3.154.008.889)	-	(3.154.008.889)	-
TỔNG CỘNG	1.337.705.720	767.277.940	570.427.780	767.277.940

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức	56.374.284.573 32.737.983.603	64.928.012.294 37.520.653.564
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Cho vay Thu hồi khoản cho vay Vay Trả nợ gốc vay Cung cấp dịch vụ Thanh lý xe tải Sử dụng dịch vụ Lãi vay Lãi cho vay	35.000.000.000 35.000.000.000 5.000.000.000 20.000.000.000 7.488.209.867 1.090.909.092 880.284.091 122.500.000 75.833.333	33.000.000.000 33.000.000.000 40.000.000.000 25.000.000.000 1.580.636.363 - - 192.666.667 155.833.333
Công ty Liên doanh Keppel Land Watco	Bên liên quan (đến ngày 17 tháng 3 năm 2017)	Nhận cổ tức	10.234.924.115	19.080.049.045
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Sử dụng dịch vụ	2.620.403.636 25.000.000	- -
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Mua công cụ dụng cụ	1.904.091.703 149.090.909	- -
ECCO	Công ty con	Lãi vay Nhận cổ tức	1.088.916.667 354.352.000	87.250.000 350.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
SOWATMES	Công ty con	Chi hộ Nhận cổ tức	301.090.908 51.555.000	419.228.183 60.000.000	
SOWATCOSER	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	196.035.976	213.367.875	
Đóng tàu Cần Thơ	Công ty con	Nhận cổ tức	-	323.721.217	
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:					
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
SOWATCO-ECO 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325	
VICT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	5.531.486.329	8.150.809.761	
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	1.393.450.000	1.032.456.670	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	989.764.000	-	
SOWATCOSER	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	538.690.140	478.057.289	
Đóng tàu Cần Thơ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	355.208.264	355.208.264	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	196.954.860	-	
			15.469.471.918	16.480.450.309	

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
				VND
Phải thu ngắn hạn khác				
SOWATMES	Công ty con	Chi hộ	371.090.908	257.813.183
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	683.970.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	25.000.000	-
			708.970.000	-
Vay ngắn hạn				
ECCO	Công ty con	Vay	17.900.000.000	17.900.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Vay	-	15.000.000.000
			17.900.000.000	32.900.000.000
Phải trả ngắn hạn khác				
ECCO	Công ty con	Lãi vay	1.176.166.667	87.250.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Lãi vay	-	117.500.000
			1.176.166.667	204.750.000
Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:				
			Năm nay	Năm trước
			1.471.153.846	1.200.100.000
				VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.248.761.452	4.308.761.452
Trên 1 - 5 năm	999.480.702	3.201.086.946
TỔNG CỘNG	5.248.242.154	7.509.848.398

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/2018/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt hai năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông. Theo đó, ngày thanh toán cổ tức dự kiến là ngày 28 tháng 2 năm 2018.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Phạm Quang Minh
Người lập



Trịnh Văn Quý
Kế toán trưởng





Lê Bá Thọ
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 2 năm 2018